

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ PHÂN PHỐI SẢN PHẨM CÔNG BẰNG VÀ SỰ VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM ĐÓ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN ĐỨC LUẬN (*)

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, phân phối sản phẩm công bằng mà thực chất là thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động hoàn toàn chỉ có thể được thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản khi lực lượng sản xuất phát triển đến trình độ và tính chất xã hội hóa cao cùng với việc thiết lập được chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo quan điểm đó của chủ nghĩa Mác - Lênin, thực hiện đa dạng hóa các hình thức phân phối, phù hợp với sự đa dạng về trình độ của lực lượng sản xuất và các hình thức sở hữu. Nhờ đó, phân phối sản phẩm công bằng cũng đi vào thực chất. Tuy nhiên, việc thực hiện phân phối sản phẩm công bằng ở nước ta hiện nay còn bộc lộ nhiều hạn chế, đòi hỏi phải có những nghiên cứu sâu hơn để đề ra các giải pháp khắc phục kịp thời.

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phân phối sản phẩm công bằng

Phân phối sản phẩm luôn được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin xem xét với tư cách một trong những mặt cơ bản của quan hệ sản xuất, C.Mác chỉ rõ: “Các quan hệ phân phối về thực chất cũng đồng nhất với các quan hệ sản xuất ấy, rằng chúng cấu thành mặt sau của các quan hệ sản xuất ấy, thành thử cả hai đều cùng có chung một tính chất lịch sử nhất thời”(1).

Những trình bày của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin cho thấy, với tư cách một mặt cơ bản của quan hệ sản xuất, phân phối sản phẩm là sự phân chia kết quả của quá trình sản xuất cho mỗi cá nhân theo tỷ lệ mà cá nhân đó tham dự vào quá trình tạo ra

sản phẩm theo những nguyên tắc nhất định. Cũng theo C.Mác, “phân phối xác định tỷ lệ theo đó mỗi cá nhân tham dự vào sản phẩm đã sản xuất ra”(2).

Như vậy, phân phối sản phẩm không chỉ lệ thuộc vào sự phát triển của lực lượng sản xuất mà còn lệ thuộc vào quan hệ giữa người với người trong sở hữu tư liệu sản xuất và trong tổ chức, quản lý sản xuất. Tuy nhiên, do khả năng kích thích trực tiếp vào lợi ích của con người của nó nên phân phối có tác động mạnh mẽ đến quá trình sản xuất vật chất: Nếu lợi ích của những người tham gia quá trình sản xuất được đảm

(*) Tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.25, phần II. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.634.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.12. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.861.

bảo, nói cách khác là phân phối công bằng, họ sẽ có thái độ tích cực trong quá trình sản xuất, qua đó thúc đẩy sản xuất phát triển; trong trường hợp ngược lại, họ sẽ có thái độ tiêu cực trong quá trình sản xuất, từ đó dẫn đến kìm hãm sự phát triển của nền sản xuất.

Trong các xã hội mà chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chiếm địa vị thống trị thì xã hội sẽ không có sự phân phối sản phẩm công bằng, bởi lẽ các giai cấp nắm giữ những tư liệu sản xuất chủ yếu sẽ luôn sử dụng tư liệu sản xuất do mình sở hữu để bóc lột sức lao động của các giai cấp khác. Chính vì vậy, để có thể thực hiện phân phối công bằng, cần phải xóa bỏ chế độ đó và thiết lập nên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Trong thời đại ngày nay, quá trình thực hiện phân phối sản phẩm công bằng gắn liền với việc xóa bỏ chế độ tư bản và tiền tư bản, tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đây là một quá trình tất yếu, bị quy định bởi các quy luật khách quan của sự phát triển xã hội mà suy cho cùng là do sự phát triển của lực lượng sản xuất. Khi bàn về phân phối sản phẩm công bằng trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản, C.Mác đặc biệt phê phán sai lầm của phái Lát-xan, thể hiện trong *Cương lĩnh Gô-ta*. Cương lĩnh này cho rằng, “thu nhập do lao động đem lại là thuộc về tất cả mọi thành viên trong xã hội một cách không bị cắt xén, theo những quyền ngang nhau”(3), và “sự nghiệp giải phóng lao động đòi hỏi phải nâng tư liệu lao động lên thành tài sản chung của xã hội và phải điều tiết một cách

tập thể toàn bộ lao động, đồng thời phân phối một cách công bằng thu nhập của người lao động”(4). Theo C.Mác, quan điểm trên của phái Lát-xan đã không thành công về hình thức và sai lầm về nội dung, *Cương lĩnh Gô-ta* đã dùng khái niệm “thu nhập của lao động” là một “ý niệm mơ hồ”, không rõ là tổng sản phẩm hay thu nhập quốc dân. Việc phân phối sản phẩm “công bằng” như tinh thần nêu trên là một mâu thuẫn, bởi vì sản phẩm thuộc về mọi thành viên trong xã hội, bao gồm cả những người không lao động, thì không đáp ứng được yêu cầu “thu nhập không bị cắt xén”; còn nếu chỉ phân phối sản phẩm cho người lao động để đảm bảo “không bị cắt xén” thì lại không đáp ứng được yêu cầu quyền ngang nhau của mọi thành viên xã hội.

Từ việc phê phán những sai lầm của *Cương lĩnh Gô-ta* về phân phối sản phẩm công bằng, C.Mác chỉ ra rằng, nếu coi “thu nhập lao động” với ý nghĩa là tổng sản phẩm xã hội, thì trong tổng sản phẩm đó phải khấu đi: Phần để thay thế những tư liệu sản xuất đã dùng; một phần phụ thêm để mở rộng sản xuất; một quỹ dự trữ hoặc quỹ bảo hiểm để phòng những tai nạn, những sự rối loạn do các hiện tượng tự nhiên gây ra,... Còn lại phần kia của tổng sản phẩm thì dành làm vật phẩm tiêu dùng. Trước khi tiến hành phân phối cho cá nhân, lại còn phải khấu trừ những chi phí quản lý chung, không

(3) Dẫn theo: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.19. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.26.

(4) Dẫn theo: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr.30.

trực tiếp thuộc về sản xuất; những khoản dùng để cùng chung nhau thỏa mãn những nhu cầu như trường học, cơ quan y tế; quỹ cần thiết để nuôi những người không có khả năng lao động. Cuối cùng mới là phân những vật phẩm tiêu dùng đem chia cho cá nhân những người sản xuất của tập thể(5).

C.Mác cho rằng, khi giai cấp vô sản và nhân dân lao động đã giành được chính quyền, để có sự phân phối sản phẩm công bằng thì cần phải thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Nhưng điều mà C.Mác luôn nhấn mạnh là, “cái xã hội mà chúng ta nói ở đây không phải là một xã hội cộng sản chủ nghĩa đã phát triển trên những cơ sở của chính nó, mà trái lại là một xã hội cộng sản chủ nghĩa vừa *thoát thai* từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội, về mọi phương diện – kinh tế, đạo đức, tinh thần – còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó lột lòng ra. Vậy một khi đã khấu trừ các khoản đi rồi, mỗi người sản xuất nhận được trở lại vừa đúng cái mà anh ta đã cung cấp cho xã hội. Cái mà anh ta đã cống hiến cho xã hội là lượng lao động của cá nhân anh ta”(6).

Như vậy, phân phối theo lao động được thực hiện ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản và với giả định là không có sản xuất và trao đổi hàng hóa. Trong điều kiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất đã được thực hiện căn bản, sản xuất hàng hóa đã bị triệt tiêu thì cơ sở để thực hiện phân phối chỉ có thể là những đóng góp về mặt lao động của những người tham gia quá trình sản

xuất. Còn việc phân phối sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của tất cả mọi người, đòi hỏi phải có một quá trình rất lâu dài, gắn với trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất. Quan hệ phân phối đó chỉ có thể được thực hiện trong xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Đến V.I.Lênin, với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười năm 1917, chủ nghĩa xã hội đã từng bước được xây dựng trên thực tế ở Nga. Lúc này, “chế độ sản xuất và phân phối quốc doanh” cũng từng bước được thiết lập. Về cơ bản, chế độ sản xuất và phân phối ấy được thực hiện theo chỉ dẫn của C.Mác, về giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa đó là dựa trên nền tảng công hữu về tư liệu sản xuất, không có sản xuất và trao đổi hàng hóa, phân phối theo lao động. Tuy nhiên, khi áp dụng việc sản xuất và phân phối như vậy kết quả đã không như mong đợi. Thậm chí, V.I.Lênin đã thẳng thắn thừa nhận rằng, “chúng ta đã thất bại trong cái ý định dùng phương pháp “xung phong”, nghĩa là dùng con đường ngắn nhất, nhanh nhất, trực tiếp nhất để thực hiện việc sản xuất và phân phối theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa”(7). Phân tích tình hình thực tiễn ở Nga lúc đó, V.I.Lênin nhận thấy nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của việc vận dụng nguyên tắc phân phối xã hội chủ nghĩa ở nước Nga khi ấy là do nền sản xuất còn lạc hậu, trình độ của lực lượng sản xuất còn

(5) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr.31-33.

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, tr.33.

(7) V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.44. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.254.

nhiều hạn chế, chưa thể đảm bảo việc sản xuất và phân phối theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Từ đó, V.I.Lênin đã đưa ra chính sách kinh tế mới (NEP). Nội dung cơ bản của NEP là thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, sử dụng quan hệ hàng hóa – tiền tệ,... V.I.Lênin coi đây là một đặc trưng cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Với NEP, chúng ta có thể ngầm hiểu rằng, *ngoài nguyên tắc phân phối theo lao động, có thể còn có một số nguyên tắc phân phối sản phẩm khác và các nguyên tắc này đều nhằm đảm bảo sự phân phối công bằng.* Đây cũng là đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều này có nghĩa là, việc thực hiện phân phối công bằng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội sẽ rất khác với thực hiện phân phối công bằng khi chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản đã được xây dựng xong. Bởi lẽ, ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lực lượng sản xuất còn nhiều hạn chế, phát triển không đồng đều. Về quan hệ sản xuất, vẫn còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nên để thực hiện phân phối sản phẩm công bằng trong thời kỳ quá độ không chỉ đơn thuần dựa vào lao động, tức là chỉ lấy phân phối theo lao động làm nguyên tắc duy nhất.

Như vậy, có thể thấy, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin đã nêu lên những luận điểm quan trọng về phân phối sản phẩm công bằng. Song, do hoàn cảnh lịch sử, đặc biệt, do chưa có điều kiện thực tiễn để kiểm nghiệm các

hình thức phân phối sản phẩm khác nhau, nên lý luận của các ông về phân phối sản phẩm công bằng còn bỏ ngỏ nhiều vấn đề đòi hỏi chúng ta cần phải tiếp tục bổ sung, hoàn thiện.

2. Quá trình vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phân phối sản phẩm công bằng ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm trước đổi mới, để đảm bảo sự công bằng trong phân phối sản phẩm, Đảng ta chủ trương nguyên tắc phân phối theo lao động. Nguyên tắc này được thực hiện trong điều kiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất từng bước chiếm ưu thế tuyệt đối; sản xuất và trao đổi hàng hóa cơ bản bị triệt tiêu. Tuy nhiên, trong thập niên đầu tiên cả nước bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976 - 1986), nguyên tắc phân phối theo lao động đã không phát huy được hiệu quả. Nguyên nhân là do lực lượng sản xuất ở nước ta còn hạn chế, sản xuất thủ công là phổ biến; song, quan trọng nhất là do nguyên tắc phân phối theo lao động bị hiểu sai, dẫn đến việc phân phối chủ yếu căn cứ vào số lượng lao động, mang nặng tính bình quân, cào bằng; phân phối công bằng được đồng nhất với phân phối bình quân chủ nghĩa.

Những sai lầm trong việc phân phối sản phẩm nói riêng và trong xây dựng quan hệ sản xuất nói chung đã kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, dẫn đến tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng ở nước ta vào cuối những năm 70, đầu những năm 80 của thế kỷ trước. Trước tình

trạng đó, Đảng ta đã xác định cần phải đổi mới toàn diện đất nước. Cùng với việc đổi mới mạnh mẽ quan hệ sở hữu và cơ chế tổ chức quản lý sản xuất, Đảng đặc biệt chú trọng đến điều chỉnh quan hệ phân phối sản phẩm. Quan điểm của Đảng tại Đại hội VI là sửa đổi một cách căn bản chế độ tiền lương theo hướng đảm bảo yêu cầu tái sản xuất sức lao động, khắc phục tính bình quân, áp dụng các hình thức trả lương gắn chặt với kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Đến Đại hội VII năm 1991, Đảng chú trọng “cải cách cơ bản chính sách tiền lương và tiền công theo nguyên tắc tiền lương và tiền công phải dựa trên số lượng và chất lượng lao động, đảm bảo tái sản xuất sức lao động, tiền tệ hóa tiền lương,...”(8). Ngoài ra, Đảng cũng khuyến khích mọi người tăng thu nhập và làm giàu dựa trên kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Ngay sau Đại hội VII của Đảng, vấn đề phân phối sản phẩm đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng ngày càng đảm bảo lợi ích của người lao động. Đặc biệt, việc ban hành Bộ Luật Lao động năm 1994 đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chế độ phân phối theo đường lối đổi mới. Bộ luật này quy định rõ: “Người lao động được trả lương trên cơ sở thỏa thuận với người sử dụng lao động nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định và theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc;...”(9). Đến Đại hội VIII năm 1996, nguyên tắc phân phối được đề cập đến vẫn là phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.

Có thể nhận thấy, những chủ trương, chính sách về phân phối sản phẩm của Đảng, Nhà nước ta từ khi bắt đầu thực hiện đường lối đổi mới đến trước Đại hội IX vẫn chủ yếu nhấn mạnh đến nguyên tắc phân phối theo lao động, đồng thời đã chú trọng đến tính công bằng trong phân phối khi căn cứ vào số lượng, chất lượng, năng suất, hiệu quả lao động.

Trước Đại hội IX, quá trình đổi mới quan hệ phân phối sản phẩm đã diễn ra mạnh mẽ, nhưng các hình thức phân phối vẫn chưa thực sự đa dạng, do vậy rất khó có thể đảm bảo sự công bằng cho nhiều đối tượng khác nhau trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường. Chính vì vậy, tại Đại hội IX năm 2001, bên cạnh việc khẳng định phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là nguyên tắc chủ yếu, Đảng còn chủ trương phân phối “theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội”(10). Việc phân phối “theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh” là một vấn đề rất mới lúc đó và cũng là bước tiến lớn so với các nguyên tắc phân phối được nêu trong các văn kiện đại hội trước đó. Bởi vì, nguyên tắc phân phối này đã tính đến nét đặc thù của thời kỳ quá độ đi lên chủ

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.74.

(9) Bộ luật Lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.11.

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.88.

ngĩa xã hội, nhất là trong hoàn cảnh chúng ta đang có nhu cầu bức bách phải thu hút vốn đầu tư để phát triển sản xuất. Đây cũng là nguyên tắc phân phối đảm bảo sự công bằng cho các nhà đầu tư. Nhà đầu tư đóng góp vốn và các nguồn lực vào các hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ được phân phối một cách xứng đáng với mức đóng góp của họ (thông qua lợi nhuận, lợi tức,...).

Quan điểm của Đảng tại Đại hội X (2006) về phân phối sản phẩm công bằng cơ bản vẫn giống như Đại hội IX. Đến Đại hội XI năm 2011, ngoài các hình thức đang áp dụng, Đảng ta đã bổ sung một điểm mới rất quan trọng, đó là “phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội”. An sinh xã hội và phúc lợi xã hội là hệ thống các chính sách và giải pháp nhằm vừa bảo vệ mức sống tối thiểu của người dân trước những rủi ro và tác động bất thường về kinh tế, xã hội và môi trường; vừa góp phần không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Điều đó khẳng định rõ quan điểm nhất quán của Đảng về phát triển kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội.

Tại Đại hội XII, vấn đề phân phối sản phẩm công bằng tiếp tục được Đảng ta nhấn mạnh, đó là: “Tạo cơ hội để mọi người có việc làm và cải thiện thu nhập. Bảo đảm tiền lương, thu nhập công bằng, đủ điều kiện sống và tái sản xuất sức lao động(...). Tiếp tục hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng đối tượng và nâng cao hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội đến mọi

người dân; tạo điều kiện để trợ giúp có hiệu quả cho tầng lớp yếu thế, dễ tổn thương hoặc những người gặp rủi ro trong cuộc sống”(11).

Như vậy, để thực hiện phân phối sản phẩm công bằng và tạo động lực cho phát triển trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta chủ trương đa dạng hóa các hình thức phân phối, thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Tất cả các hình thức phân phối trên đều là tất yếu khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay và đều nhằm mục đích thúc đẩy nền sản xuất phát triển, tạo lập sự công bằng giữa mọi thành viên trong xã hội. Những người khoẻ mạnh có khả năng lao động và đang lao động được trả công theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Những người có đóng góp vốn và các nguồn lực khác sẽ thu được lợi tức và lợi nhuận,... khi đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Những người nghèo, những tầng lớp yếu thế, dễ bị tổn thương,... sẽ nhận được sự hỗ trợ thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội – một hình thức tái phân phối. Tất cả những hình thức phân phối này tạo dựng cho Việt Nam một hệ thống phân phối tập trung vào đảm bảo công bằng, tiến bộ xã hội.

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.136-137.

Việc vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phân phối sản phẩm công bằng đã tạo động lực mạnh mẽ trong sản xuất, góp phần quan trọng vào những thành tựu kinh tế - xã hội mà nước ta đạt được trong những năm qua, cụ thể là: Năm 2015, tổng sản phẩm trong nước đạt 193,4 tỷ USD; tốc độ tăng trưởng kinh tế là 6,68%; GDP bình quân đầu người là 2.109 USD(12). Nước ta bước vào những thang bậc đầu tiên của nhóm nước có mức thu nhập trung bình; năng suất lao động đạt 79,4 triệu đồng/người(13).

Cùng với những thành tựu về kinh tế, chúng ta cũng đạt được những thành tựu quan trọng trong thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đặc biệt là công bằng phân phối, thu nhập. Về vấn đề này, tại Đại hội XII năm 2016, Đảng ta khẳng định: Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những kết quả tích cực. An sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, phúc lợi xã hội và đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện(14).

Những thành tựu trên là cơ sở để khẳng định tính đúng đắn của đường lối đổi mới nói chung, đổi mới phân phối sản phẩm nói riêng. Tuy nhiên, việc thực hiện phân phối sản phẩm công bằng ở Việt Nam hiện nay vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục, cụ thể là:

Thứ nhất, bất bình đẳng thu nhập có xu hướng tăng cao. Nghiên cứu của tổ chức Oxfam về tình trạng bất bình đẳng tại Việt Nam cho biết, mức độ thay đổi khoảng cách về thu nhập giữa nhóm giàu nhất và nghèo nhất ở Việt Nam khá lớn. Người giàu nhất Việt

Nam có thu nhập trong một ngày cao hơn thu nhập của người nghèo nhất Việt Nam trong 10 năm. Trong một giờ, người giàu nhất Việt Nam có thu nhập từ nguồn tài sản cao hơn gần 5.000 lần thu nhập của nhóm 10% nghèo nhất Việt Nam chi hàng ngày cho các nhu cầu thiết yếu(15).

Thứ hai, tiền lương vẫn mang nặng tính bình quân. Ở nhiều nơi, đặc biệt là ở các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, người lao động sẽ nhận được một mức lương như nhau nếu cùng làm ở một vị trí, một công việc và họ sẽ được tăng lương một cách đều đặn theo năm tháng với cùng một hệ thống thang, bảng lương. Hơn nữa, khoảng cách giữa các ngạch, bậc lương không cao, không tỏ rõ được sự khác biệt. Điều đó có nghĩa là việc trả lương vẫn chưa thực sự công bằng với những người có năng lực, làm việc hiệu quả.

Thứ ba, phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội còn nhiều hạn chế, bất cập. Giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo cao; tỷ lệ nghèo ở nhiều vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa vẫn còn cao...

Theo chúng tôi, những hạn chế trên cần được khắc phục kịp thời, cụ thể là:

Thứ nhất, cần thu hẹp khoảng cách thu nhập thông qua các điều chỉnh vĩ mô gắn liền với chống tiêu cực. Để thu

(12) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr. 225.

(13) Tổng cục Thống kê. *Niên giám thống kê 2015*. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2016, tr.151.

(14) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. *Sđđ.*, tr.238-239.

(15) Xem: V.Thu: *Khoảng cách giàu nghèo ở Việt Nam đang gia tăng mạnh*. Báo Bảo hiểm xã hội Việt Nam, <http://baobaohiemxahoi.vn>, ngày 12/1/2017.

hẹp khoảng cách thu nhập, Đảng và Nhà nước cần phải hoàn thiện cơ chế, chính sách để tạo ra những điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân, doanh nghiệp có cơ hội làm giàu chính đáng; ngăn chặn tình trạng trục lợi; cần trọng hơn nữa trong quá trình đầu tư cũng như quản lý, giám sát tốt hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước; xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, phải có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và vốn, khoa học - công nghệ, việc làm,... cho nhóm người có thu nhập thấp trong xã hội.

Thứ hai, khắc phục triệt để tính bình quân trong phân phối sản phẩm. Để khắc phục vấn đề này, cần phải đổi mới nhận thức, khắc phục tư duy của thời kỳ bao cấp, quyết tâm đổi mới chế độ tiền lương; đẩy mạnh cải cách hành chính và tinh giản biên chế, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị trong bộ máy hành chính, sự nghiệp và các doanh nghiệp Nhà nước; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm trong bộ máy đó; đẩy mạnh quá trình tự chủ tài chính ở các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước.

Trong quá trình đổi mới chế độ tiền lương, trước mắt phải nới rộng khoảng cách giữa các bậc lương và ngạch lương, tăng khoảng cách giữa lương tối thiểu - trung bình - tối đa; đồng thời, sử dụng các mức thưởng để khuyến khích người lao động làm việc. Về lâu dài, cần phải thực hiện việc trả lương theo năng lực và hiệu quả công việc vì cách trả lương này mới thực sự đảm bảo được lợi ích và sự công bằng cho người lao động.

Thứ ba, đẩy mạnh xã hội hóa gắn với chống tiêu cực trong công tác an sinh xã hội. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền để các cấp ủy, chính quyền và người dân hiểu được việc thực hiện an sinh xã hội là trách nhiệm chung của cộng đồng, của toàn xã hội, qua đó khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước trong quá trình thực hiện an sinh xã hội; xã hội hóa công tác an sinh, nghĩa là ngoài những khoản chi từ ngân sách nhà nước cần phải chú trọng huy động các nguồn lực từ nhiều nguồn khác nhau, từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp để tăng các nguồn lực phục vụ an sinh xã hội; xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân chiếm đoạt nguồn lực phục vụ an sinh xã hội;...

Tóm lại, trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phân phối sản phẩm công bằng, thực hiện đa dạng hóa các hình thức phân phối, phù hợp với sự đa dạng về trình độ của lực lượng sản xuất và các hình thức sở hữu. Nhờ đó, lợi ích của các bộ phận xã hội khác nhau được đảm bảo, phân phối sản phẩm công bằng cũng đi vào thực chất, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Để việc thực hiện phân phối sản phẩm ngày càng công bằng, cần phải có những nghiên cứu sâu hơn về các giải pháp nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc. Đây không chỉ là nhiệm vụ của những người làm chính sách mà còn là nhiệm vụ của những nhà nghiên cứu khoa học xã hội, trong đó có triết học. □